TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2018
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lan

2. Ông Phạm Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mừng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*: Ông **Vũ Xuân Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST- HNGĐ ngày 04/4/2018 "Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị D,** sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Khu T, xã T1, huyện B, tỉnh H1.

Chỗ ở hiện nay: Khu T, xã T1, huyện B, tỉnh H1

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHHKTT và chỗ ở: Khu T, xã T1, huyện B, tỉnh H1

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị Vũ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H sau một thời gian tự do tự nguyện tìm

hiểu đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh H1 ngày 23/10/2006. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống cùng nhà với mẹ đẻ anh H tại xã T1, huyện B, tỉnh H1, cuộc sống chung, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra cãi cọ, xúc phạm và chửi bới lẫn nhau. Anh H thường tụ tập bạn bè chơi bời rượu chè, không quan tâm, lo lắng đến cuộc sống gia đình mà để một mình chị D phải lo lắng, gánh vách mọi chuyện trong nhà. Chị đã nhiều lần khuyên giải để anh H thay đổi cách sống, cách nghĩ và sống có trách nhiệm với gia đình vợ con nhưng anh H cũng không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng hơn, anh H đã nhiền lần đánh, đuổi chị D đi nhưng vì nghĩ đến con cái còn nhỏ nên chị D đã cố gắng chịu đựng để níu kéo cuộc sống vợ chồng.

Khi vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần để vợ chồng chị khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng căng thẳng hơn. Do không chịu được cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn như vậy, chị Dương đã cùng với các con chung về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại khu T, xã T1, huyện B, H1, anh H có đón mẹ con chị về nhưng chị D xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị không về, vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị D xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh H đã căng thẳng kéo dài, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, chị và anh H đã sống ly thân một thời gian dài, không còn tình cảm và sự quan tâm dành cho nhau nên chị giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Huy để giải phóng cho nhau.

- Về quan hệ con chung: Chị Dương trình bày vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Vũ Hoàng P sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Vũ Quốc T2, sinh ngày 01/02/2009, hiện nay cả hai con chung đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu T2. Chị yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng đối với cháu T2 là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các tài liệu, văn bản có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn H trình bày anh và chị D đăng ký kết hôn dựa trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Bình Giang, tỉnh H1. Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống cùng nhà với mẹ đẻ anh anh tại xã T1, B, H1. Anh H cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2013, anh có đón mẹ chị D nhưng chị D không về sống cùng anh, vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị D xin ly hôn, anh H không nhất trí ly hôn mà mong muốn vợ

chồng về đoàn tụ cùng nhau để nuôi dạy các con chung.

Về quan hệ con chung: Anh H xác định vợ chồng anh có 2 con chung là Nguyễn Vũ Hoàng P sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Vũ Quốc T2, sinh ngày 01/02/2009, hiện nay cả hai con chung đang ở với chị D. Anh H cho rằng việc các con của vợ chồng anh muốn ở với ai, anh đều tôn trọng ý kiến của các cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H để anh Huy và chị D đến tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Tuy nhiên anh H không đến tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đối với vụ án.

Về chứng cứ trong vụ án:

- Bản tự khai của chị D, anh H, biên bản lấy lời khai của chị D, anh H.

- Tài liệu chứng cứ mà chị D đã nộp cho Tòa án gồm: Đơn khởi kiện; Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); CMND của chị D (phô tô); Đơn đề nghị có xác nhận của UBND xã T1, huyện B, Bản sao giấy khai sinh của các con chung.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Chu Thị Q là mẹ đẻ anh H. Bà Q cho rằng vợ chồng chị D, anh H có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi cọ, xúc phạm chửi bới lẫn nhau, bà Q đã khuyên giải để vợ chồng chị D, anh H khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành, chị D đã về ở với bố mẹ đẻ từ năm 2013 đến nay, anh H có đến đón chị D nhưng chị D không về. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh H và giải quyết vấn đề con chung của vợ chồng, bà Q có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Lời khai của ông Vũ Văn L, bà Phạm Thị C thể hiện vợ chồng chị D, anh H xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm, vợ chồng ông bà có khuyên giải để chị D, anh H hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành. Chị D và các con đã về ở với vợ chồng ông bà từ năm 2013, anh H có gọi chị D về nhưng chị D không về và vẫn ở với ông bà từ năm 2013 đến nay chứ không sống cùng anh H.

Nay chị D có đơn xin ly hôn anh H và giải quyết quan hệ con chung của vợ chồng. Ông L, bà C có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông L, bà C cho rằng tuy sống cùng ông bà nhưng chị D vẫn có công việc và thu nhập ổn định vì chị D có tiệm may quần áo tại khu T, xã T1 nên chị D vẫn đảm bảo cho việc nuôi con và chăm sóc các con. Nếu chị D được nuôi cả hai con chung, ông L, bà C cũng sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất để chị D nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của vợ chồng chị.

Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo đơn đề nghị của đương sự và kết quả xác minh tại địa phương xã T1, huyện B thể hiện như sau: Chị D, anh H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn, vợ chồng chị sống cùng với mẹ đẻ anh Huy tại khu T, xã

T1, B, H1.

Theo nắm bắt của địa phương, vợ chồng chị D, anh H trong cuộc sống chung, vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên chị D và anh H không báo cáo chính quyền địa phương nên địa phương không thể đến hòa giải đối với mâu thuẫn vợ chồng chị D. Đại diện khu dân cư nơi anh H sinh sống xác định hiện nay chị D cùng với các con đã chuyển về sống với bố mẹ đẻ chị D chứ không sống cùng anh H nữa. Nay chị D có đơn xin được ly hôn anh H và giải quyết vấn đề con chung của vợ chồng, quan điểm của đại diện địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án lấy lời khai 2 con chung là Nguyễn Vũ Hoàng P, sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Vũ Quốc T2, sinh ngày 01/02/2009, các con đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì các con muốn được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang phát biểu quan điểm về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đã đảm bảo cho các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo xét xử công khai, khách quan, đúng trình tự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao chị Vũ Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Vũ Hoàng P sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Hoàng Quốc T1, sinh ngày 01/02/2009, hiện nay cả hai con chung đang ở với chị D. Buộc anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu T1 hàng tháng cùng với chị D, số tiền cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị D và anh H là đương sự trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ

các văn bản, tài liệu và Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuy nhiên tại phiên tòa anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS giải quyết theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa, chị D là nguyên đơn không nộp bổ sung tài liệu gì mới, không thay đổi hay rút yêu cầu khởi kiện của mình nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh H từ năm 2002 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh H thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc trong cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị D, anh H thường xảy ra cãi cọ, xúc phạm và đánh nhau trước mặt các con làm ảnh hưởng đến tâm lý chung của các con. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ cùng nhau về kinh tế, công việc. Mâu thuẫn trầm dẫn đến vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai còn quan tâm tới ai.

Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D ly hôn với anh H là phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị D, anh H có hai con chung là Nguyễn Vũ Hoàng P sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Hoàng Quốc T2, sinh ngày 01/02/2009, hiện nay cả hai con chung đang ở với chị D. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi cháu T2 hàng tháng cùng với chị, số tiền cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi.

Tại biên bản lấy lời khai, anh H có ý kiến tôn trọng nguyện vọng của các con chung khi vợ chồng anh ly hôn.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu P và cháu T2 về nguyện vọng của các con khi bố mẹ ly hôn. Cháu P và cháu T2 đều có nguyện vọng được ở với chị D khi bố mẹ ly hôn vì hiện nay các cháu vẫn đang ở với mẹ và chị D vẫn đảm bảo việc học tập và sinh hoạt hằng ngày của các cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì hiện nay các con đang ở với chị và các cháu cũng đều có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn thì các cháu muốn được ở với chị D nên HĐXX cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu T2 là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng: chị D yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu T2 hàng tháng cùng với chị, số tiền 1.000.000đ/tháng. Xét đây là nguyện vọng chính đáng vì sau khi ly hôn, chị D vẫn cần phải ổn định cả về vật chất lẫn tinh thần để đảm bảo cuộc sống của ba mẹ con và cũng là để anh H thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con

chung nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị D và anh H đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ con chung: Giao chị Vũ Thị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là Nguyễn Vũ Hoàng P sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Vũ Quốc T2, sinh ngày 01/02/2009, hiện nay cả hai con chung đang ở với chị D.

Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Vũ Quốc T2 hàng tháng cùng với chị D, số tiền cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng: từ tháng 9/2018; phương thức cấp dưỡng: vào ngày 01 hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B là 300.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002468 ngày 04 tháng 4 năm 2018) chị D đã nộp đủ án phí ly hôn. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Báo chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Bình Giang;*
- *Chi cục THADS huyện Bình Giang;*
- *UBND xã T, huyện BG.*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG